

Số: 35 /2019/QĐ-UBND

Long An, ngày 23 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về quy định mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện  
tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;*

*Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;*

*Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện;*

*Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1291/TTr-SLĐTBXH ngày 16/8/2019; ý kiến của Sở Tư pháp tại văn bản số 2239/STP-XDKTVB ngày 14/8/2019,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập như sau:

1. Mức đóng góp tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân đối với người đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở công lập như sau:

a) Mức đóng góp tiền ăn hàng tháng đối với người đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở công lập bằng 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh về việc quy định chế độ tiền ăn của học viên cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Long An.

b) Mức đóng góp tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân đối với người đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở công lập bằng 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

2. Mức đóng góp chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường, như sau:

a) Đối tượng đóng góp

Các đối tượng (thương binh; người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; người thuộc hộ nghèo; người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; trẻ em mồ côi; người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng) đóng góp 5% các mức đóng góp quy định tại điểm b, khoản này. Các đối tượng khác đóng góp 100% các mức đóng góp quy định tại điểm b, khoản này.

b) Mức đóng góp gồm:

- Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS): Mức đóng góp theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thực hiện dịch vụ;

- Chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường tại cơ sở cai nghiện ma túy không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế: Theo phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

3. Sinh hoạt văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/năm.

4. Học văn hóa, học nghề (nếu bản thân đối tượng có nhu cầu): Mức thu tùy thuộc vào ngành nghề đăng ký và chi phí thực tế từng thời điểm, đảm bảo thu đủ bù chi.

5. Điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/người/tháng.

6. Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất: 50.000 đồng/người/tháng.

7. Phục vụ, quản lý: 200.000 đồng/người/tháng.



**Điều 2.** Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2019.

- Bãi bỏ Chương III của Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội (nay là Cơ sở cai nghiện ma túy Long An) và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Long An được ban hành kèm theo Quyết định số 46/2015/QĐ-UBND ngày 05/10/2015 của UBND tỉnh.

- Bãi bỏ khoản 2 Điều 1 Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội (nay là Cơ sở cai nghiện ma túy Long An) và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh được ban hành kèm theo Quyết định số 46/2015/QĐ-UBND ngày 05/10/2015 của UBND tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Bộ LĐ-TB và XH;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư Pháp;
- Thường trực Tỉnh Ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh - Công báo tỉnh;
- Phòng VHXX;
- Lưu: VT, thu.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Cận**

*nguyen*